

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 1363/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại tờ trình số 47/TTr-BXD ngày 12 tháng 9 năm 2007 và của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi nghiên cứu

Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô bao gồm thị trấn Lăng Cô và các xã Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Vĩnh thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế với quy mô khoảng 27.108 ha, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp biển Đông.

- Phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng.

- Phía Tây giáp xã Lộc Bình, xã Lộc Trì huyện Phú Lộc.

2. Tính chất

Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô là một trong những trung tâm thương mại quốc tế lớn của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; là trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng có ý nghĩa quốc gia và quốc tế; các ngành kinh tế khác gắn với cảng nước sâu Chân Mây; phát triển đô thị mới hiện đại, phù hợp với điều kiện tự nhiên và bảo vệ gìn giữ cảnh quan, môi trường sinh thái.

3. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số: hiện trạng khoảng 40.700 người.

- Đến năm 2015: khoảng 90.000 người.

- Đến năm 2025: khoảng 170.000 người.

b) Quy mô đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô là 27.108 ha, trong đó diện tích khai thác phát triển khu kinh tế khoảng 10.000 ha.

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính

a) Căn cứ xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.
- Khả năng quỹ đất cho phép phát triển và điều kiện tự nhiên, môi trường.
- Nhu cầu đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.

b) Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị

Đất xây dựng đô thị bình quân: 130 – 150 m²/người, trong đó đất dân dụng bình quân từ 90 – 100 m²/người, đất cây xanh trong khu dân dụng bình quân 10 - 15 m²/người, đất công cộng đô thị bình quân 6 – 10 m²/người.

- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị

+ Giao thông: đối với khu vực đô thị tính toán với chỉ tiêu của đô thị loại II, diện tích đất dành cho giao thông chiếm từ 18 – 20 % đất xây dựng đô thị; đối với khu vực công nghiệp - cảng - dịch vụ mạng lưới đường và tỷ lệ đất giao thông cần bảo đảm yêu cầu hoạt động hiệu quả.

+ Cấp nước: chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đô thị khoảng 150 lít/người/ngày đêm; cấp nước cho công nghiệp khoảng 35 - 45 m³/ha/ngày. Tỷ lệ dân đô thị được cấp nước đạt 100 %.

+ Cấp điện: chỉ tiêu cấp điện khu vực đô thị khoảng 700 – 1.200 Kwh/người/năm; chỉ tiêu cấp điện cho công nghiệp khoảng 200 - 400 Kw/ha; chỉ tiêu cấp điện cho hoạt động dịch vụ, thương mại khoảng 40 – 45%tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt.

+ Thoát nước và vệ sinh môi trường: tiêu chuẩn thải nước lấy theo tiêu chuẩn cấp nước tương ứng với từng đối tượng. Nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường đạt tỷ lệ > 80%.

5. Các yêu cầu về phân khu chức năng và tổ chức không gian

a) Khu phi thuế quan

Có quy mô khoảng 950 đến 1.000 ha, là khu vực dự kiến bố trí gắn liền với một phần cảng nước sâu Chân Mây (cảng tự do Chân Mây) bao gồm các khu chức năng cơ bản: khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu trung tâm dịch vụ, thương mại, khu sản xuất gia công tái chế, sửa chữa lắp ráp..., khu trung chuyển hàng hoá, kho bãi.

b) Khu thuế quan

Có quy mô khoảng 9.000 ha, gồm các khu chức năng chính sau:

- Khu dân dụng, có quy mô khoảng 2.000 ha được nghiên cứu với các yêu cầu riêng đối với từng khu vực, cụ thể:
- + Các khu dân cư hiện có cần được quy hoạch cải tạo, đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội.